

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CĐ  
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2020/HNGĐ-ST  
Ngày 01/7/2020  
V/v Tranh chấp ly hôn,  
nuôi con chung.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CĐ- TỈNH LONG AN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Ngọc Thám.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Nguyễn Ngọc Thi

Ông Ngô Hoàng Nguyễn.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Út - Thư ký Tòa án nhân dân huyện CĐ, tỉnh Long An.

Ngày 01 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện CĐ, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 12/2020/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 01 năm 2020 về “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Ông Bùi Thanh T, sinh năm 1984;

Địa chỉ: Số 258 ấp P xã LT, huyện CĐ, tỉnh Long An.

**- Bị đơn:** Bà Lê Thị Bích N, sinh năm 1993;

Địa chỉ: Ấp XĐ, xã LT, huyện CĐ, tỉnh Long An.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện ly hôn ngày 13 tháng 12 năm 2019, tại phiên tòa nguyên đơn ông Bùi Thanh T trình bày:* Vào năm 2007, ông và bà Lê Thị Bích T quen biết nhau qua tìm hiểu và được hai bên gia đình đồng ý tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã LT, huyện CĐ, tỉnh Long An vào ngày 20 tháng 12 năm 2017. Sau khi đăng ký kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng về sau vợ chồng phát sinh mâu thuẫn tính tình không hợp thường xuyên cãi vã trong gia đình, ông và bà N đã ly thân từ tháng 11 năm 2018 đến nay. Nay ông xác định tình cảm vợ chồng không còn, ông yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Lê Thị Bích T. Ông và bà N có một con chung là cháu Bùi Minh H, sinh ngày 19/10/2018 đang ở với bà N, khi ly hôn ông T đồng ý giao con cho bà N tiếp tục nuôi dưỡng, ông đề nghị không cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn bà Lê Thị Bích T vắng mặt toàn bộ quá trình giải quyết vụ án và không có ý kiến trình bày gửi cho Tòa án.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Ông Bùi Thanh T và bà Lê Thị Bích T có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân xã LT, huyện CD cấp giấy chứng nhận kết hôn nên hôn nhân là hợp pháp.

[1.2] Bà Lê Thị Bích T là bị đơn hiện nay cư trú tại xã LT, huyện CD, tỉnh Long An nên khi ông Tâm có đơn khởi kiện ly hôn, Tòa án nhân dân huyện CD, tỉnh Long An căn cứ vào Điều 28, Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 và Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 để thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm.

[1.3] Bị đơn bà Lê Thị Bích T được Tòa án nhân dân huyện CD tổng đạt thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng bà N vắng mặt toàn bộ quá trình giải quyết vụ án nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 207, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Thanh T.

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Ông T và bà N sau khi kết hôn chung sống hạnh phúc bên gia đình chồng nhưng sau này phát sinh mâu thuẫn nên đã thì ly thân từ tháng 11 năm 2018 đến nay. Bà N đã được tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng của Tòa án theo đơn khởi kiện ly hôn của ông T nhưng bà N không có thiện chí muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng để đoàn tụ với ông T nên không có văn bản trình bày ý kiến và không đến tham gia phiên hòa giải và tham gia phiên Tòa. Mặt khác, vào tháng 10 năm 2019 ông T cũng đã nộp đơn khởi kiện ly hôn nhưng sau đó rút đơn để vợ chồng đoàn tụ nhưng không hàn gắn được. Xét thấy mục đích hôn nhân giữa ông T và bà N không đạt được, đời sống chung không thể tiếp tục kéo dài, hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Thanh T là có căn cứ được chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Ông T và bà N có một con chung là cháu Bùi Minh H, sinh ngày 19/10/2018 đang ở với bà N, khi ly hôn ông T đồng ý giao con cho bà N tiếp tục nuôi dưỡng. Xét thấy, cháu H hiện đang ở chung với bà N, để ổn định tâm lý phát triển bình thường và không làm thay đổi cuộc sống nên tiếp tục giao cho bà N tiếp tục nuôi dưỡng con chung. Ông T xác định không cấp dưỡng nuôi con chung do bà N không yêu cầu nên ông T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Ông T xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí sơ thẩm: Ông Bùi Thanh T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 207, Điều 227, Điều 228, Điều 273, Điều 280 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Căn cứ vào Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 85, Điều 86 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 26, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của ông Bùi Thanh T đối với bà Lê Thị Bích T.

Về quan hệ hôn nhân: Ông Bùi Thanh T được ly hôn với bà Lê Thị Bích T.

Về con chung: Có một con chung là cháu Bùi Minh H, sinh ngày 19/10/2018; bà Lê Thị Bích T được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Bùi Minh Hiếu; ông Bùi Thanh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Người không trực tiếp nuôi con chung có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con chung

Về án phí sơ thẩm: Ông Bùi Thanh T phải chịu 300.000đồng án phí Hôn nhân và gia đình nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí ông T đã nộp 300.000đồng theo biên lai thu số 0008145 ngày 03/01/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CD, tỉnh Long An, ông T đã nộp đủ.

Án xử sơ thẩm công khai ông Bùi Thanh T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bà Lê Thị Bích T vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định của Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện;
- Chi cục THA DS huyện;
- Các đương sự;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án; án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Ngọc Thám**